



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼  
女子C組(7歲及以下組)-賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



1	劉瑋芯	劉瑋芯			
X	-		GC-17 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	屈子芷			
4	屈子芷			GC-49 / 22-Oct / 14:35 / T0	
5	陳頌諾				
	GC-1 / 22-Oct / 11:40 / T0				
6	陳韻柔		GC-18 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	謝鎧臻			
8	謝鎧臻				GC-Q-1
				GC-65 / 23-Oct / 10:00 / T0	
9	楊彥丹	楊彥丹			
X	-		GC-19 / 22-Oct / 13:20 / T0		
11	周楚澄				
	GC-2 / 22-Oct / 11:40 / T0				
12	黃青霖			GC-50 / 22-Oct / 14:35 / T0	
13	周逸菁	周逸菁			
X	-		GC-20 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	蘇思愉			
16	蘇思愉				
17	王嘉明	王嘉明			
X	-		GC-21 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	梁允沂			
20	梁允沂			GC-51 / 22-Oct / 14:35 / T0	
21	朱靖萱				
	GC-3 / 22-Oct / 11:40 / T0				
22	党楹晞		GC-22 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	陳靖萱			
24	陳靖萱				GC-Q-2
				GC-66 / 23-Oct / 10:00 / T0	
25	盧珂君	盧珂君			
X	-		GC-23 / 22-Oct / 13:20 / T0		
27	杜傲妍				
	GC-4 / 22-Oct / 12:05 / T0				
28	劉羽秋			GC-52 / 22-Oct / 14:35 / T0	
29	孫曉嵐	孫曉嵐			
X	-		GC-24 / 22-Oct / 13:20 / T0		
X	-	梁淳欣			
32	梁淳欣				



2023恒生「新一代」乒乓球大比拚  
女子C組 (7歲及以下組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



33	陳以桐	陳以桐			
X	-				
X	-		GC-25 / 22-Oct / 13:45 / T0		
36	方樂瑤	方樂瑤			
37	黃敬心			GC-53 / 22-Oct / 14:35 / T0	
	GC-5 / 22-Oct / 12:05 / T0				
38	陸曉霖				
			GC-26 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-				
40	林樂兒	林樂兒			GC-Q-3
				GC-67 / 23-Oct / 10:00 / T0	
41	劉希瞳	劉希瞳			
X	-				
			GC-27 / 22-Oct / 13:45 / T0		
43	郭心玥				
	GC-6 / 22-Oct / 12:05 / T0				
44	司徒斐然				
				GC-54 / 22-Oct / 14:35 / T0	
45	陳芷慧	陳芷慧			
X	-				
			GC-28 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-				
48	林祉萱	林祉萱			
49	李思瑤	李思瑤			
X	-				
			GC-29 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-				
52	黃樂欣	黃樂欣			
				GC-55 / 22-Oct / 14:35 / T0	
53	王彥璇				
	GC-7 / 22-Oct / 12:05 / T0				
54	吳月宜				
			GC-30 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-				
56	沈奕辰	沈奕辰			GC-Q-4
				GC-68 / 23-Oct / 10:00 / T0	
57	鄭子淇	鄭子淇			
X	-				
			GC-31 / 22-Oct / 13:45 / T0		
59	包杏千				
	GC-8 / 22-Oct / 12:30 / T0				
60	李沁妍				
				GC-56 / 22-Oct / 14:35 / T0	
61	王芊誼	王芊誼			
X	-				
			GC-32 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-				
64	張千穗	張千穗			



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子C組 (7歲及以下組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



65	李欣瑩	李欣瑩			
X	-		GC-33 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-	曾語嫣			
68	曾語嫣		GC-57 / 22-Oct / 15:00 / T0		
69	樊諾澄				
	GC-9 / 22-Oct / 12:30 / T0				
70	鄭芯妤		GC-34 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-	馮萬韻			
72	馮萬韻			GC-69 / 23-Oct / 10:00 / T0	GC-Q-5
73	陳愉婷	陳愉婷			
X	-		GC-35 / 22-Oct / 13:45 / T0		
75	任芷樂				
	GC-10 / 22-Oct / 12:30 / T0				
76	蔡敏慧		GC-58 / 22-Oct / 15:00 / T0		
77	劉芊嵐	劉芊嵐			
X	-		GC-36 / 22-Oct / 13:45 / T0		
X	-	莊琬詩			
80	莊琬詩				
81	鍾焯彤	鍾焯彤			
X	-		GC-37 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-	王楚依			
84	王楚依		GC-59 / 22-Oct / 15:00 / T0		
85	陳鈺淇				
	GC-11 / 22-Oct / 12:30 / T0				
86	蔡芊柔		GC-38 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-	張卓伊			
88	張卓伊			GC-70 / 23-Oct / 10:00 / T0	GC-Q-6
89	梁倩珩	梁倩珩			
X	-		GC-39 / 22-Oct / 14:10 / T0		
91	蔡依辰				
	GC-12 / 22-Oct / 12:30 / T0				
92	劉佩凝		GC-60 / 22-Oct / 15:00 / T0		
93	顏若涵	顏若涵			
X	-		GC-40 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-	官卓琳			
96	官卓琳				



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子C組 (7歲及以下組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



97	董佳琦	董佳琦			
X	-		GC-41 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-	楊彥菁			
100	楊彥菁			GC-61 / 22-Oct / 15:00 / T0	
101	李安蕎				
	GC-13 / 22-Oct / 12:55 / T0				
102	姚嘉懿		GC-42 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-				
		藍萱兒			
104	藍萱兒			GC-71 / 23-Oct / 10:00 / T0	GC-Q-7
105	王千瑜	王千瑜			
X	-		GC-43 / 22-Oct / 14:10 / T0		
107	劉洛言				
	GC-14 / 22-Oct / 12:55 / T0				
108	胡凱程			GC-62 / 22-Oct / 15:00 / T0	
109	徐加悅	徐加悅			
X	-		GC-44 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-				
		林沛澄			
112	林沛澄				
113	朱蔚蕎	朱蔚蕎			
X	-		GC-45 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-				
		林希婷			
116	林希婷			GC-63 / 22-Oct / 15:00 / T0	
117	鄧旨逸				
	GC-15 / 22-Oct / 12:55 / T0				
118	陳蘊		GC-46 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-				
		汪詩妤			
120	汪詩妤			GC-72 / 23-Oct / 10:00 / T0	GC-Q-8
121	羅柏霏	羅柏霏			
X	-		GC-47 / 22-Oct / 14:10 / T0		
123	鍾忻妤				
	GC-16 / 22-Oct / 12:55 / T0				
124	沈奕攸			GC-64 / 22-Oct / 15:00 / T0	
125	莊善珈	莊善珈			
X	-		GC-48 / 22-Oct / 14:10 / T0		
X	-				
		趙藝晨			
128	趙藝晨				



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子C組 (7歲及以下組) - 賽程表

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



Stage II

第5頁/共5頁

GC-Q-1	#N/A				
	GC-73 / 23-Oct / 12:30 / T0				
GC-Q-2	#N/A				
		GC-77 / 23-Oct / 13:45 / T0			
GC-Q-3	#N/A				
	GC-74 / 23-Oct / 12:30 / T0				
GC-Q-4	#N/A				
			GC-79 / 23-Oct / 15:00 / T0		冠軍
GC-Q-5	#N/A				
	GC-75 / 23-Oct / 12:30 / T0				
GC-Q-6	#N/A				
		GC-78 / 23-Oct / 13:45 / T0			
GC-Q-7	#N/A				
	GC-76 / 23-Oct / 12:30 / T0				
GC-Q-8	#N/A				
					亞軍
					季軍
					第5至8名